

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM**  
 Đính kèm Thông báo mời chào giá số 003 /TB-BVCHPHCNTPHCM

ST T	DANH MỤC HÀNG HÓA( hoặc tương đương)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer. 2500 test/đơn vị/hộp	Hộp	4
2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ $\leq 3.0\%$ , Phosphate nồng độ $\leq 2.0\%$ , Sodium azide nồng độ $< 0.1\%$ ; pH: $8.05 \pm 0.20$ ; 600 ml x 4/hộp	Hộp	15
3	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ $\leq 3.0\%$ , Phosphate nồng độ $\leq 2.0\%$ , Sodium azide nồng độ $< 0.1\%$ ; pH: $8.05 \pm 0.20$ ; Tiêu chuẩn ISO 13485.600 ml x 4/hộp	Hộp	15
4	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Phosphate nồng độ $\leq 2.0\%$ , Sodium perchlorate nồng độ $\leq 0.3\%$ , Sodium azide nồng độ $< 0.1\%$ ; pH: $7.05 \pm 0.03$ ; .600 ml x 2/hộp	Hộp	15
5	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống. Thành phần: Sodium azide nồng độ $\leq 0.01\%$ ; pH: $7.50 \pm 0.1$ ; 2000ml x 3/hộp	Hộp	15
5	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng cho đo nồng độ WBC, RBC, PLT, và Hemoglobin.Hộp/10L	Hộp	40
7	Dung dịch vệ sinh	Dung dịch vệ sinh dạng enzyme để vệ sinh hệ thống xét nghiệm và các hệ thống chất lỏng.Hộp/980mL	Hộp	20
8	Dung dịch ly giải	Dung dịch ly giải RBC và hủy chất dịch lỏng trong tế bào, Phân biệt và đếm các nhóm thuộc WBC. Hộp/500mL	Hộp	40
9	Dung dịch rửa có tính acid	Dùng để rửa máy sinh hóa. Thành phần: Citric acid monohydrate; Oxalic acid dihydrate; Polyethylene glycol; Methanol; Monochloroacetic acid. Hộp/2x500mL	Hộp	15



10	Alanine Aminotransferase	Xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT) để định lượng alanine aminotransferase trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/4x300 Test	Hộp	25
11	Dung dịch rửa có tính base	Hoá chất hỗ trợ các xét nghiệm sinh hoá. Thành phần: NaOCl, NaOH, KOH. Hộp/2x500mL	Hộp	25
12	Amylase	Xét nghiệm Amylase để định lượng amylase trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu.Hộp/640 test	Hộp	2
13	Aspartate Aminotransferase	Xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST) để định lượng aspartate aminotransferase trong huyết thanh hoặc huyết tương.Hộp/4x300 Test	Hộp	25
14	Cholesterol	Xét nghiệm Cholesterol để định lượng cholesterol trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/1000 test	Hộp	5
15	Creatinine	Xét nghiệm Creatinine để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu. Hộp/ 3600 test	Hộp	24
16	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CRP	Hoá chất chuẩn xét nghiệm CRP Vario.Hộp/7x2mL	Hộp	2
17	CRP	Xét nghiệm CRP Vario để định lượng bằng phương pháp đo độ đục miễn dịch xác định protein phản ứng C trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/600 test	Hộp	15
18	Nước rửa máy sinh hóa A	Dung dịch Detergent A dùng cho các xét nghiệm trên hệ thống máy sinh hoá.Hộp/2x500mL	Chai	10
19	Nước rửa máy sinh hóa B	Dung dịch Detergent B dùng cho các xét nghiệm trên hệ thống máy sinh hóa. Hộp/2x400mL	Chai	6
20	DIRECT LDL	Xét nghiệm Direct LDL để định lượng trực tiếp cholesterol lipoprotein tỉ trọng thấp (LDL) trong huyết thanh hay huyết tương người.Hộp/450 test	Hộp	20
21	Gamma-Glutamyl Transferase	Xét nghiệm Gamma-Glutamyl Transferase (GGT) để định lượng gamma-glutamyl transferase trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/4x150 Test	Hộp	10.000
22	Glucose	Xét nghiệm Glucose định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu hay dịch não tủy (CSF).Hộp/1500 test	Hộp	30
23	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Apolipoprotein A1 (Apo A1), Apolipoprotein B (Apo B), Low Density Lipoprotein (LDL), và Ultra High Density Lipoprotein (UHDL)	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Apolipoprotein A1 (Apo A1), Apolipoprotein B (Apo B), Low Density Lipoprotein (LDL), và Ultra High Density Lipoprotein (UHDL).Hộp/6x1mL	Hộp	2
24	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa, mức 1	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa trong huyết thanh.Hộp/12x5mL	Hộp	2
25	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa, mức 3	Hoá chất hiệu chứng một số xét nghiệm sinh hóa trong huyết thanh.Hộp/12x5mL	Hộp	2
26	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa	Hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng cho thực hiện định lượng. Hộp/12x5 mL	Lọ	4
27	Anti-streptolysin O	Xét nghiệm Quantia ASO để định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh.Hộp/248 test	Hộp	5
28	Rheumatoid Factor	Xét nghiệm RF để định lượng yếu tố thấp (RF) trong huyết thanh.Hộp/227 test	Hộp	6

29	Xét nghiệm định lượng cholesterol lipoprotein tỷ trọng cao	Xét nghiệm Ultra HDL để định lượng cholesterol lipoprotein tỷ trọng cao trong huyết thanh hay huyết tương. Khay thử bao gồm: Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp và cộng hợp kháng thể kiểm chứng.Hộp/1440 test	Hộp	5
30	Urea Nitrogen	Xét nghiệm Urea Nitrogen để định lượng urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu.Hộp/ 1400 test	Hộp	20
31	Uric Acid	Xét nghiệm Uric Acid để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu.Hộp/ 640 test	Hộp	10
32	Total Protein	Xét nghiệm Protein toàn phần để định lượng protein toàn phần trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/ 800 test	Hộp	2
33	Albumin BCG	Xét nghiệm Albumin BCG để định lượng Albumin trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/ 1044 test	Hộp	2
34	định lượng Bilirubin toàn phần	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần để định lượng bilirubin toàn phần trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/2750 test	Hộp	2
35	Lactate Dehydrogenase	Xét nghiệm Lactate Dehydrogenase (LDH) được dùng để định lượng Lactate Dehydrogenase trong huyết thanh hay huyết tương người.Hộp/4x150 Test	Hộp	2
36	Triglyceride	Xét nghiệm Triglyceride để định lượng triglyceride trong huyết thanh hay huyết tương.Hộp/4x200 Test	Hộp	10
37	Hóa chất định lượng kháng nguyên	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên DF3 defined trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần .100 test/hộp	Hộp	5
38	Hóa chất định lượng Procalcitonin	-Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người (lithium heparin và EDTA) - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 12 tuần .100 test/hộp	Hộp	30
39	Hóa chất định lượng alpha-fetoprotein (AFP)	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin) và dịch ối. - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	5
40	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể của vi rút viêm gan C (HCV)	- Thuốc thử xét nghiệm định tính các kháng thể của vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương (EDTA, heparin hoặc citrate) người. - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	40
41	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể HIV	- Thuốc thử xét nghiệm định tính các kháng thể với virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc 2 (anti-HIV 1 và anti-HIV 2) trong huyết thanh và huyết tương người (heparin hoặc citrate). - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	40
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người (lithium heparin và EDTA) - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 12 tuần. 100 test/hộp	Hộp	30
43	Hóa chất định lượng kháng nguyên	- Thuốc thử để định lượng kháng nguyên 1116-NS-19-9 đã được xác định trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần .100 test/hộp	Hộp	5

44	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định lượng kháng nguyên	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định lượng kháng nguyên OC 125 đã được xác định - Độ ổn định sau mở nắp: $\leq 13$ tuần .3 x 1,75 mL/ hộp	Hộp	1
45	Hóa chất định lượng kháng nguyên	- Thuốc thử để định lượng kháng nguyên 1116-NS-19-9 đã được xác định trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần .100 test/hộp	Hộp	5
46	Hóa chất định lượng CEA	- Thuốc thử để định lượng CEA trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần.100 test/hộp	Hộp	5
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK- MB	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB trong huyết thanh và huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần. 100 test/hộp	Hộp	20
48	Hóa chất định lượng Cortisol	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol trong huyết thanh, huyết tương (heparin hoặc EDTA) và nước tiểu người. - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần .100 test/hộp.	Hộp	12
49	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định lượng Ferritin	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định lượng Ferritin. - Độ ổn định sau mở nắp: $\leq 13$ tuần .3 x 3 x 1 mL/ Hộp	Hộp	1
50	Hóa chất định lượng Ferritin	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết thanh, huyết tương (heparin). - Độ ổn định trên hệ thống : $\leq 8$ tuần. 100 test/hộp	Hộp	12
51	Hóa chất định lượng T3 tự do	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do ( FT3) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA hoặc heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần.100 test/hộp	Hộp	15
52	Hóa chất định lượng T4 tự do	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do ( FT4) trong huyết thanh người. - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần.100 test/hộp	Hộp	15
53	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vỏ của vi rút viêm gan B (HBeAg)	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh người. - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần. 52 test/ hộp	Hộp	5
54	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg)	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương (EDTA, heparin hoặc citrate) người. - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 8$ tuần. 100 test/hộp	Hộp	30
55	Hóa chất định lượng Troponin I tim mạch (cTnI)	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim mạch (cTnI) trong huyết thanh và huyết tương (heparin). - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 4$ tuần. 100 test/hộp	Hộp	25
56	Hóa chất pha loãng mẫu B cho máy phân tích miễn dịch	- Dung dịch pha loãng B, sử dụng trên Hệ thống Xét nghiệm để pha loãng các mẫu có nồng độ chất phân tích cao hơn khoảng hiệu chuẩn. - Độ ổn định sau mở nắp: $\leq 8$ tuần.100 test/hộp	Hộp	
57	Hóa chất tạo tín hiệu quang trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch	- Tạo ra tín hiệu quang trên hệ thống xét nghiệm - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 7$ ngày. 112 ml (2 x 2 x 28 ml)	Hộp	80
58	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể tổng số ( IgG và IgM) với các kháng nguyên của Treponema pallidum (TP)	- Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể tổng số ( IgG và IgM) với các kháng nguyên của Treponema pallidum (TP) đặc hiệu trong huyết thanh và huyết tương (heparin, EDTA và citrate) người. - Độ ổn định trên hệ thống: $\leq 12$ tuần. 100 test/hộp	Hộp	30

59	Hóa chất định lượng nội tiết tố kích thích tuyến giáp (TSH)	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng nội tiết tố kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA hoặc heparin) - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	20
60	Dung dịch rửa phản ứng miễn dịch trên Hệ thống xét nghiệm	- Dung dịch rửa phản ứng miễn dịch trên Hệ thống xét nghiệm - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 12 tuần. 9,7 lit (4,85 lit x 2)	Hộp	12
61	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-HBs	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể của kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (Anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương (heparin hoặc citrate) người. - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	15
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-HBs	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định lượng kháng thể của kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (Anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người. - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 13 tuần	Hộp	1
63	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định tính kháng thể của vi rút viêm gan C (HCV)	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định tính kháng thể của vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương (EDTA, heparin hoặc citrate) người. - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 13 tuần. 2 mL/ Hộp	Hộp	1
64	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định tính kháng thể HIV	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định tính các kháng thể với virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc 2 (anti-HIV 1 và anti-HIV 2) trong huyết thanh và huyết tương người (heparin hoặc citrate). - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 13 tuần. 2 mL/ hộp	Hộp	1
65	Hóa chất định lượng kháng nguyên	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên OC 125 đã được xác định trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Công nghệ xét nghiệm: Immunometric - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 8 tuần. 100 test/hộp	Hộp	5
66	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg)	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương (EDTA, heparin hoặc citrate) người. - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 12 tuần. 2 mL/ hộp	Hộp	1
67	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể tổng số ( IgG và IgM) với các kháng nguyên của Treponema pallidum (TP)	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định tính kháng thể tổng số ( IgG và IgM) với các kháng nguyên của Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương (heparin, EDTA và citrate). - Độ ổn định sau mở nắp: ≤ 13 tuần. 2,2 mL/ hộp	Hộp	1
68	Hóa chất định lượng human chorionic gonadotropin (hCG)	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng human chorionic gonadotropin (hCG) và tiểu đơn vị β trong huyết thanh và huyết tương (heparin và EDTA) người. - Công nghệ xét nghiệm: Immunometric - Độ ổn định trên hệ thống: ≤ 12 tuần. 100 test/hộp	Hộp	5
69	Cốc đựng mẫu	Cốc chứa mẫu loại nhỏ	Hộp	4
70	Típ hút mẫu và hóa chất sử dụng trên hệ thống máy sinh hóa-miễn dịch	- Típ hút mẫu và hóa chất sử dụng trên hệ thống máy sinh hóa; sinh hóa-miễn dịch và miễn dịch .1000 tips/ hộp	Hộp	50

71	Dung dịch rửa máy hàng ngày máy sinh hóa	Sử dụng cho hệ thống sinh hóa Thành phần: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one ; 2-methyl-4-isothiazolin-3-one Hộp/2x500mL	Hộp	7
72	Hóa chất định lượng PSA tự do	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tổng số trong huyết thanh, huyết tương (EDTA hoặc heparin). - Công nghệ xét nghiệm: Immunometric - Độ ổn định trên hệ thống: ≤4 tuần. 100 test/hộp	Hộp	1
73	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm định lượng PSA tự do	- Chất hiệu chuẩn Hệ thống xét nghiệm trong xét nghiệm định lượng PSA tổng số. - Độ ổn định sau mở nắp: ≤12 tuần. (2 x 2 mL)/ Hộp	Hộp	1
74	Nội kiểm đông máu mức 1	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII . Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương. Hộp/12 x 1 ml	Hộp	2
75	Nội kiểm đông máu mức 2	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII . Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương. Hộp/12 x 1 ml	Hộp	2
76	Nội kiểm miễn dịch plus 3 mức nồng độ.	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người, không bao gồm thành phần động vật. Đáp ứng trên 50 các thông số Miễn dịch thường quy và các thông số miễn dịch đặc biệt CA125, CA199, CA153. Dễ dàng bảo quản ở 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương. Hộp/12 x 5 ml	Hộp	2
77	Chương trình Ngoại kiểm Đông máu. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x 1 ml	Hộp	2
78	Chương trình Ngoại kiểm Huyết học. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/3 x 2 ml	Hộp	4
79	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x 5 ml	Hộp	2
80	Hóa chất dùng xác định nhóm máu D (Hệ RH)	Hóa chất dùng xác định nhóm máu D (Hệ RH)	Lọ	60
81	Hóa chất dùng xác định nhóm máu A (đơn dòng)	Hóa chất dùng xác định nhóm máu A (đơn dòng)	Lọ	60
82	Hóa chất dùng xác định nhóm máu A, B (đơn dòng)	Hóa chất dùng xác định nhóm máu A, B (đơn dòng)	Lọ	10
83	Hóa chất dùng xác định nhóm máu B (đơn dòng)	Hóa chất dùng xác định nhóm máu B (đơn dòng)	Lọ	60
84	Hóa chất rửa hàng ngày dùng cho máy điện giải đồ	Hóa chất rửa hàng ngày dùng cho máy điện giải đồ. Thành phần: - Dung dịch Alkaline.12x15 ml (180 ml)	Hộp	12

85	Hóa chất dùng cho xét nghiệm các thông số điện giải đồ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm các thông số điện giải đồ. Thành phần: - Dung dịch Calibrator A 800 mL [ Na <sup>+</sup> 140,00 mmol/L, K <sup>+</sup> 4,00 mmol/L, iCa <sup>2+</sup> 1,3 mmol/L, Cl <sup>-</sup> 125,00 mmol/L, Li <sup>+</sup> 0,5 mmol/L, dung dịch đệm buffer, chất bảo quản, chất làm ấm]; - Dung dịch Calibrator B 280 mL [ Na <sup>+</sup> 60,00 mmol/L, K <sup>+</sup> 1,90 mmol/L, iCa <sup>2+</sup> 3,0 mmol/L, Cl <sup>-</sup> 45,00 mmol/L, Li <sup>+</sup> 2,50 mmol/L, dung dịch đệm buffer, chất bảo quản, chất làm ấm];	Hộp	50
86	Dung dịch rửa cuvette cho máy sinh hóa	Dung dịch rửa cuvette cho máy sinh hóa. Thành phần: - Dung dịch muối NaN <sub>3</sub> (<0,1%). 1 lít/hộp	Hộp	10
87	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học	*Dung dịch dùng để loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo lường của máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, diluent. *Chứa chất hoạt động bề mặt và một enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn. *Các thành phần hoạt động của hóa chất: - Chất tẩy rửa: 0.17% - Savinase: 0.23% - Đệm - Natri clorua - Chất bảo quản - Chất ổn định - 1 lít/chai	Chai	40
88	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro. 6x10x32/hộp	Hộp	15
89	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*Dung dịch đấng trưng dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, dung dịch rửa. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - 2-phenoxyethanol 0.022 % - Đệm - Natri clorua - Kali clorua - EDTA - Chất ổn định - Chất tẩy rửa - 10 lít/hộp	Hộp	60
90	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl <sub>2</sub> 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C.	Hộp	40

91	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer	<p>HUMAN HEMOSTAT D-DIMER là một xét nghiệm dùng để xác định định lượng D-dimer trong huyết tương chống đông bằng citrate.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất D-Dimer latex (sẵn sàng sử dụng) 2x1ml.</li> </ul> <p>Thành phần: Các hạt polystyrene phủ kháng thể đơn dòng (chuột), đệm HEPES 10 mmol/l, albumin huyết thanh bò, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm phản ứng (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%.</li> <li>- Calibrator (dạng đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người chứa D-dimer, đệm HEPES 33 mmol/l.</li> <li>- Diluent (sẵn sàng sử dụng) 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide &lt; 0,1%.</li> </ul> <p>Độ ổn định: Hoá chất, đệm, diluent ổn định trong 2 tuần ở 8-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C sau khi mở lọ. Chất chuẩn đã hoàn nguyên ổn định trong 12 giờ ở 4-25°C.</p>	Hộp	70
92	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	<p>Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ &gt; 10%, Sodium azide &lt; 0,01%</li> <li>- Đệm CaCl<sub>2</sub> chứa Sodium azide &lt; 0,01%</li> </ul> <p>Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C. 6x2ml/ Hộp</p>	Hộp	100
93	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	<p>Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học.</p> <p>Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution</p>	Hộp	20
94	Dung dịch rửa kim máy xét nghiệm đông máu tự động	<p>Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro.</p> <p>Quy cách: 5 x 15 ml.</p> <p>Thành phần của Wash Solution:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buffered Salt Solution</li> <li>- Imidazole 0.1mol/l</li> <li>- HCl 0.1mol/l</li> <li>- Detergent 0.02%</li> </ul>	Hộp	40



95	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học	<p>*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học.</p> <p>*Nó là một dung dịch đậm đặc của hypochlorit dùng để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, tráng và rửa hệ thống đo của máy phân tích huyết học, được sử dụng để loại bỏ cặn lắng hình thành từ các mẫu được xét nghiệm.</p> <p>*Thành phần: chứa natri hypochlorit.</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Active chlorine</li> <li>- Natri Hidroxit</li> <li>- Chất ổn định</li> <li>- Natri clorua</li> </ul>	Hộp	10
96	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<p>*Dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để cho phép xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên các máy phân tích huyết học. Nó có thể phá vỡ màng tế bào của hồng cầu và giải phóng các chất trong tế bào để chuẩn bị cho quá trình phân tích tiếp theo.</p> <p>Dùng kèm với dung dịch rửa, diluent.</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu.</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Muối kiềm</li> <li>- Hệ thống đệm</li> <li>- Hỗn hợp của chất tẩy rửa ion (amoni bậc bốn) và không ion</li> <li>- Chất chelating hemoglobin</li> <li>- Chất bảo quản và các yếu tố bảo vệ bạch cầu</li> </ul>	Chai	50
97	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<p>*Dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để cho phép xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên các máy phân tích huyết học. Nó có thể phá vỡ màng tế bào của hồng cầu và giải phóng các chất trong tế bào để chuẩn bị cho quá trình phân tích tiếp theo.</p> <p>Dùng kèm với dung dịch rửa, diluent.</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu.</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Muối kiềm</li> <li>- Hệ thống đệm</li> <li>- Hỗn hợp của chất tẩy rửa ion (amoni bậc bốn) và không ion</li> <li>- Chất chelating hemoglobin</li> <li>- Chất bảo quản và các yếu tố bảo vệ bạch cầu</li> </ul>	Chai	40
98	Thuốc thử dùng để phát hiện và định danh kháng thể đồng loài (alloantibody)	Nghiệm pháp được sử dụng để xác định tính đặc hiệu của một kháng thể đồng loài.	Lọ	63

99	Bovine Serum Albumin	xét nghiệm antiglobulin trực tiếp, xét nghiệm tương thích máu, tầm soát và định danh kháng thể. 10ml/Lọ	Lọ	40
100	Anti HBc	Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HBcAg tái tổ . Vạch kết quả: kháng thể đơn dòng kháng HBcAb. Vạch chứng: kháng thể đa dòng tái tổ hợp kháng HBcAg (0.88)	Test	200
101	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue trong huyết thanh hoặc huyết tương người	Phát hiện kháng nguyên Virus Dengue Ag( Ns1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Ngưỡng phát hiện: 0,25ng/ml Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99.6% - Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag - Vạch kết quả: Kháng thể thô kháng Dengue Ag - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB....	Test	1.500
102	Định tính phát hiện máu ẩn trong mẫu phân của người	Độ nhạy tương quan: 95,8%; Độ đặc hiệu tương quan:98,9%. Khay thử bao gồm: vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng hHb (cộng hợp kháng hHb), 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn một kháng thể. đơn dòng khác kháng hHb và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	200
103	Test thử thai nhanh	Phát hiện định tính sự có mặt của hCG trong nước tiểu giúp cho việc chẩn đoán phát hiện tahi sớm. Mẫu bệnh phẩm: nước tiểu. Độ nhạy:100%. Độ đặc hiệu:99,5%. Bảo quản nhiệt độ 8-30 độ C	Hộp	20
104	Định tính phát hiện chất gây nghiện Heroin-Morphine	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine-Heroin-Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300ng/ml. Độ nhạy:99,8%. Độ đặc hiệu:99,6%. Bảo quản ở nhiệt độ: 8-30 độ C. Hộp 50 test	Hộp	20
105	Test thử ma túy 4 trong 1	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: +Morphine:300ng/ml +Amphetamine:1000ng/ml +Methamphetamine:500ng/ml +THC:50NG/ML. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu:99,6%. Bảo quản nhiệt độ:8-30 độ C	Hộp	40
106	Test định tính kháng thể H.Pylori	Sử dụng kháng nguyên tái tổ hợp để phát hiện kháng thể kháng. Hộp 25 test H.Pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người	Hộp	20
107	Định tính phát hiện kháng thể IgM và IgG	Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM). - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% -Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% Hộp 30 test	Hộp	40

108	Test phát hiện kháng thể đặc hiệu vi khuẩn giang mai	phát hiện các kháng thể kháng vi khuẩn giang mai như IgG và IgM có trong huyết thanh (huyết tương) hoặc dịch não tủy của bệnh nhân. Hộp 100 test	Hộp	5
109	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium Tuberculosis	Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy tương quan: 87,2%, Độ đặc hiệu tương quan: 94,6%, Độ chính xác tương quan: 93,2% Khay thử bao gồm: Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp và cộng hợp kháng thể kiểm chứng. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose có chứa 2 vạch thử (vạch M và vạch G) và một vạch chứng (C). Vạch M phủ sẵn kháng thể IgM kháng người (anti-human) để phát hiện kháng thể IgM kháng M.TB, vạch G phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M.TB và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. Không phản ứng chéo: CMV, Sốt rét, HCV, HIV, Giang mai, ANA, HAMA, RF (lên tới 2500IU/ml)	Test	500
110	Hóa chất xét nghiệm Anti-Hbe	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B (anti-Hbe) trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/100 test	Hộp	2
111	Amphetamin	Que thử định tính xét nghiệm Amphetamine là xét nghiệm miễn dịch trực quan nhanh chóng để phát hiện định tính, giả định có Amphetamine trong mẫu nước tiểu Hộp 50 test	Hộp	15
112	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes; 100 test/hộp	Hộp	70